

BỘ NỘI VỤ

CẨM NANG
CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Tài liệu chuyên khảo)

Hà Nội, 2022



MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	2
1. Khái niệm về Chuyển đổi số	2
1.1 Chuyển đổi số là gì?	2
1.2 Chính phủ số là gì?	2
1.3 Kinh tế số là gì?	2
1.4 Xã hội số.....	2
1.5 Tại sao phải Chuyển đổi số?.....	2
1.6 Chuyển đổi số là việc của ai ?	3
1.7 Lợi ích của chuyển đổi số.....	3
1.8 Các công nghệ hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số.....	3
II. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN THẾ GIỚI	5
<i>Quá trình chuyển đổi số của Cộng hòa Pháp.....</i>	<i>5</i>
<i>Hành trình Singapore chuyển đổi số xây dựng quốc gia thông minh</i>	<i>6</i>
<i>Kinh nghiệm của Rwanda - một quốc gia ở khu vực Đông Phi</i>	<i>6</i>
<i>Kinh nghiệm của Đan Mạch.....</i>	<i>7</i>
<i>Kinh nghiệm của Hàn Quốc về triển khai Trợ lý ảo phục vụ người dân sử dụng vụ chính phủ số</i>	<i>8</i>
III. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM.....	9
1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:.....	10
2. Các văn bản của Bộ Nội vụ	11
3. Một số kết quả điển hình về chuyển đổi số của Việt Nam	11
3.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chuyển đổi số công tác tuyển sinh năm 2022 thông qua các DVCTT	11
3.2. Bộ Giao thông vận tải: Ứng dụng công nghệ số trong cung cấp DVCTT đối với lĩnh vực vận tải đường bộ	12
3.3. Quảng Bình: Chính thức áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân, doanh nghiệp.....	14
3.4. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương tiên phong trong chuyển đổi số	14
3.5. Chuyển đổi số đưa Đà Nẵng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.....	15

IV. CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI BỘ NỘI VỤ.....	16
1. Mục tiêu, yêu cầu chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ.....	16
2. Nội dung Chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ	16
2.1. Chuyển đổi nhận thức.....	16
2.2. Hạ tầng công nghệ hỗ trợ Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ	17
2.3. Nền tảng số, dữ liệu số của Bộ Nội vụ.....	19
2.4. Các nhiệm vụ trọng tâm Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ	29
3. Một số kết quả triển khai chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.....	31
3.1. Xây dựng, khai thác vận hành Hệ thống thông tin, báo cáo của Bộ Nội vụ:.....	31
3.2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Nội vụ (VOffice)	31
3.3. Dịch vụ công trực tuyến của Ban Tôn giáo Chính phủ	32
3.4. Hệ thống quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp.....	32
3.5. Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử của Bộ Nội vụ do Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương quản lý, vận hành.....	33
4. Trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ.....	34
TÀI LIỆU THAM KHẢO	37
CÁC TỪ VIẾT TẮT	38

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện mục tiêu phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Thời gian qua, Bộ Nội vụ luôn quan tâm phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành, đổi mới lề lối làm việc, giảm thời gian, chi phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ, hiện đại hóa các quan hệ hành chính.

Nhằm mục đích cung cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động những kiến thức cơ bản, các khái niệm, lợi ích, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, Bộ Nội vụ đã xây dựng Cuốn Cẩm nang Chuyển đổi số Bộ Nội vụ.

Cuốn Cẩm nang này được xây dựng trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách của Nhà nước, các quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đây là những vấn đề mới và công nghệ thường xuyên phát triển, cuốn cẩm nang này không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Bộ Nội vụ rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tiếp tục hoàn thiện trong những lần tái bản sau.

TỔ BIÊN SOẠN

CẨM NANG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BỘ NỘI VỤ

I. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Khái niệm về Chuyển đổi số

1.1 Chuyển đổi số là gì?

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số ở Việt Nam được thực hiện trên 3 trụ cột chính: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

1.2 Chính phủ số là gì?

Là Chính phủ có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra các quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

1.3 Kinh tế số là gì?

Kinh tế số là sử dụng công nghệ số và dữ liệu để tạo ra những mô hình kinh doanh mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ số hoặc hỗ trợ cung cấp dịch vụ số cho doanh nghiệp bằng các công nghệ mới như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

1.4 Xã hội số

Thuật ngữ xã hội số dùng để chỉ một xã hội hiện đại, nơi công dân tương tác liên mạch với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống, bao gồm công việc, giải trí, giao tiếp... qua các kênh kỹ thuật số gồm các thiết bị được kết nối với nhau qua mạng Internet. Mọi công dân trong xã hội có thể tương tác và tiếp cận với các dịch vụ công trên môi trường số ở bất cứ thời điểm nào và bất cứ đâu.

1.5 Tại sao phải Chuyển đổi số?

Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có.

1.6 Chuyển đổi số là việc của ai ?

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện, là cuộc cách mạng của toàn dân.

1.7 Lợi ích của chuyển đổi số

Đối với quốc gia: Chuyển đổi số không chỉ là một xu thế về công nghệ trên toàn cầu mà còn tác động vô cùng sâu rộng trên các lĩnh vực của nền kinh tế - chính trị - xã hội; Chuyển đổi số sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến vị thế quốc gia trên thế giới trong thời kỳ mới.

Chính phủ: Tạo dựng được niềm tin nhờ năng lực quản lý và tạo ra tính minh bạch trong suốt của hệ thống điều hành.

Xã hội: Người dân được thừa hưởng những tiện ích của công nghệ giúp tăng chất lượng cuộc sống, dễ dàng gia nhập mạng lưới toàn cầu, tiếp cận các cơ hội phát triển bản thân... Các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế được nâng cấp và đáp ứng tốt trong môi trường xã hội đang có những thay đổi lớn.

Kinh tế: Chuyển đổi số sẽ giúp tăng tốc độ thị trường, tăng vị trí cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu,...

1.8 Các công nghệ hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số

1.8.1 Dữ liệu lớn (Big Data)

Dữ liệu được sinh ra từ hàng tỷ điện thoại thông minh, thiết bị cảm biến kết nối vạn vật và hoạt động của con người trên môi trường mạng. Mỗi một ngày dữ liệu sinh ra có thể lên đến tương đương dữ liệu lưu trữ trong một tỷ đĩa DVD trước đây.

Nếu công nghệ trước kia cần một thời gian rất dài để xử lý dữ liệu như vậy thì công nghệ số hiện nay cho phép xử lý, phân tích trong khoảng thời gian ngắn hơn rất nhiều để trích rút ra thông tin, tri thức hoặc đưa ra quyết định một cách phù hợp. Có thể ví dữ liệu lớn như bộ não của con người.

1.8.2 Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)

Trí tuệ nhân tạo hay trí thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence – viết tắt là AI) là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính (Computer science). Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của

con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi,...

Công nghệ AI tạo ra máy móc và hệ thống thông minh thông qua việc sử dụng mô hình máy tính, kỹ thuật và công nghệ liên quan, giúp thực hiện các công việc yêu cầu trí thông minh của con người.

1.8.3 Internet vạn vật (IoT):

Là mạng lưới kết nối vạn vật với nhau để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa môi trường thực và môi trường số. Có thể ví Internet vạn vật như là các giác quan của con người.

1.8.4 Blockchain: Công nghệ chuỗi - khối

- Khái niệm Blockchain:

Blockchain là nền tảng công nghệ mà ở đó thông tin được lưu trữ trong các khối (Block), các Block được liên kết với nhau bằng “mã hóa” tạo thành một chuỗi (Chain). Mỗi khối trong hệ thống Blockchain sẽ được liên kết với khối trước đó, chứa thông tin về thời gian khởi tạo khối kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch.

Blockchain là một công nghệ tính toán giúp lưu trữ và giao dịch với thông tin một cách an toàn (không sợ mất hay bị sửa đổi), minh bạch (dễ dàng xác minh, truy xuất), tin cậy tuyệt đối 100% (người dùng yên tâm giao dịch, không cần một trung gian thứ ba đứng ra đảm bảo).

- Ứng dụng Blockchain

Dịch vụ tài chính, ngân hàng: Một trong những khó khăn lớn nhất của lĩnh vực tài chính – ngân hàng đó là bảo mật thông tin cũng như kiểm soát sự trung thực của các bên trung gian. Với việc ứng dụng công nghệ Blockchain, những vấn đề này có thể được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả.

Y tế, chăm sóc sức khỏe: Ứng dụng công nghệ Blockchain được sử dụng rộng rãi nhờ các tính năng đột phá so với các công nghệ truyền thống: Sử dụng công nghệ để theo dõi và quản lý bệnh lý của khách hàng; Quản lý chuỗi cung ứng các sản phẩm thuốc và thiết bị y tế: Theo dõi toàn bộ từ đầu vào, nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng của các vật tư y tế.

Logistics, chuỗi cung ứng: Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xác thực các tài liệu có liên quan một cách rõ ràng và minh bạch; Đóng gói thông minh (smart package) kèm theo mã in kỹ thuật số; Kết hợp trí tuệ nhân tạo và IoT để giám sát hành trình và phương tiện vận chuyển.

Nông nghiệp: Quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm, chuỗi phân phối hàng tồn kho; Lưu trữ thông tin về hàng hóa, quy trình chăm sóc cũng như các tiêu chuẩn trong quá trình nuôi trồng sản phẩm nông nghiệp; Truy xuất nguồn gốc và vòng đời sản xuất các loại nông sản.

Thị trường trò chơi: Hiện nay với các ứng dụng của Blockchain, thị trường trò chơi giải trí đã có thể hiện thực hóa được quyền sở hữu trên nền tảng phi tập trung.

II. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN THẾ GIỚI

Chuyển đổi số là xu thế toàn cầu, là quá trình không thể đảo ngược. Chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến cấu trúc và các mối quan hệ trong nền kinh tế toàn cầu: thay lao động chân tay bằng tự động hóa; thay vốn bằng tri thức và dữ liệu; thay đổi toàn diện mối quan hệ của chính quyền với người dân và giữa các chủ thể trong nền kinh tế thông qua việc xóa bỏ các cơ chế trung gian trong chuỗi giá trị bằng công nghệ kết nối trực tiếp; thay đổi thói quen tiêu dùng cũng như hành vi ứng xử của toàn xã hội.

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, đến nay, nhiều nước đã xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình quốc gia về chuyển đổi số, điển hình như Anh, Hà Lan, Úc, Đan Mạch, Israel, Mexico, Singapore, Thái Lan, Uruguay,... Nội dung chuyển đổi số của các nước có khác nhau, phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Quá trình chuyển đổi số của Cộng hòa Pháp

- Những năm 1960: Tin học hóa cơ sở dữ liệu lớn (thuế, thống kê); khuyến khích ngành tin học mũi nhọn phát triển.

- Những năm 1970: Bắt đầu phối hợp liên Bộ trong tin học hóa; Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân lần đầu được thông qua năm 1978; Luật về công chứng tiếp cận tài liệu hành chính 1978.

- Những năm 1980, Thời đại tin học văn phòng.

- Những năm 1990-2000, Thời đại Internet và xã hội thông tin.

- Những năm 2010, bùng nổ kinh tế số: Chính sách dữ liệu mở, Chính phủ mở; khuyến khích đổi mới cơ quan hành chính qua chuyển đổi số

- Những năm 2020, hướng tới chuyển đổi số sâu rộng trong cơ quan hành chính, Thời đại AI.

Theo <https://www.quanlynhanuoc.vn>

Hành trình Singapore chuyển đổi số xây dựng quốc gia thông minh

Hành trình chuyển đổi số của Singapore khởi đầu với việc số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính ở thập kỷ 1990. Đến năm 2000, 90% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến.

Năm 2010, Singapore đã cung cấp dịch vụ công tích hợp, năm 2014 Singapore khởi động sáng kiến xây dựng quốc gia thông minh trong 10 năm với 3 trụ cột chính là kinh tế số, chính phủ số và xã hội số.

Năm 2017, Singapore thành lập Văn phòng Chính phủ số và Quốc gia thông minh, tạo nên sự thống nhất, đồng bộ và thông suốt trong chỉ đạo, vận hành và do vậy, đẩy nhanh hành trình chuyển đổi số.

Chính phủ Singapore dẫn dắt và giữ vai trò then chốt trong công cuộc chuyển đổi số để mang lại cuộc sống tốt đẹp, tiện ích cho người dân. Singapore đã huy động cả hệ thống vào cuộc, quy tụ các chuyên gia công nghệ tâm cỡ, các nhân tài ưu tú, các doanh nghiệp và người dân chung tay xây dựng Chính phủ số.

Theo <https://vietnamnet.vn>

Kinh nghiệm của Rwanda - một quốc gia ở khu vực Đông Phi

Rwanda - một quốc gia ở khu vực Đông Phi với mức thu nhập thấp, nhưng nổi bật về hiệu quả cung cấp các dịch vụ trực tuyến toàn diện, lấy người dùng làm trung tâm.

Năm 2019, Rwanda ban hành Chiến lược Công nghệ thông tin và truyền thông giai đoạn 2020-2024 để thực hiện các mục tiêu ưu tiên quốc gia trong các chiến lược, kế hoạch như Chiến lược chuyển đổi quốc gia giai đoạn 2017-2024, Kế hoạch tổng thể Rwanda thông minh năm 2020, Chính sách Tài năng số quốc gia.... Chiến lược này được ban hành vào thời điểm người dân Rwanda cùng với người dân toàn cầu ngày càng hiểu, sử dụng và hưởng lợi từ chuyển đổi số trong cuộc sống.

Với mục tiêu giải quyết những thách thức, lấy người dân làm trung tâm, Chính phủ Rwanda đã đầu tư đáng kể vào việc cải tiến dịch vụ trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Rwanda cũng tập trung vào việc thu thập dữ liệu thời gian thực để hoạch định chiến lược, hướng dẫn các quy trình ra quyết định, hỗ trợ phát triển các giải pháp cung cấp dịch vụ trực tuyến. Đặc biệt, quốc gia này sử dụng các số liệu được phân tích theo thời gian thực để giám sát hiệu quả cung cấp dịch vụ và hiển thị bản đồ dữ liệu trực quan để đánh giá

từng cơ quan, đơn vị thuộc khu vực công, như trường học, bệnh viện và khu vực nông nghiệp.

Chính phủ tăng cường việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị để hỗ trợ giải quyết các vấn đề, điều chỉnh chính sách và thực hiện các bước để giảm chi phí, cải tiến chất lượng của các dịch vụ hiện có, đồng thời phát triển các dịch vụ mới để ngăn ngừa, phát hiện và giảm thiểu sai sót, giảm tham nhũng và thúc đẩy đổi mới. Được sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới và hợp tác với khu vực tư nhân, Rwanda đã đưa ra một số sáng kiến hòa nhập số để giúp 250.000 hộ gia đình có được thiết bị số và hỗ trợ cải thiện kỹ năng số cho 3 triệu người.

Với những nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ, Chỉ số Dịch vụ trực tuyến năm 2022 của Rwanda theo đánh giá của Liên Hợp Quốc thuộc nhóm Rất cao (với giá trị là 0,7935), xếp hạng 41/193 quốc gia. Ngoài ra, Rwanda (cùng với Ấn Độ, Ecuador), được Liên Hợp Quốc đánh giá là đi đầu về Chỉ số dịch vụ trực tuyến trong số các nước kém phát triển và cạnh tranh với các quốc gia hàng đầu thế giới về phát triển Chính phủ điện tử

Theo báo cáo chuyên đề tuần 40/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông

Kinh nghiệm của Đan Mạch

Chính phủ Đan Mạch cam kết mạnh mẽ với Chiến lược số từ quan điểm gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và cách tiếp cận theo hướng hợp tác, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh. Năm 2011, Đan Mạch đã thành lập Hội đồng tư vấn, bao gồm lãnh đạo doanh nghiệp và các chuyên gia CNTT để đưa ra các khuyến nghị về số hóa trong 8 lĩnh vực phù hợp tiềm năng cạnh tranh như: hàng hải; công nghiệp sáng tạo; nước, sinh học và môi trường; thực phẩm; chăm sóc sức khỏe; năng lượng và khí hậu; kinh tế du lịch; CNTT và phát triển kỹ thuật số.

Chính phủ Đan Mạch đề ra chiến lược cho sự phát triển kỹ thuật số dựa trên các khuyến nghị của Hội đồng tư vấn. Tầm nhìn xác định Đan Mạch phải là một quốc gia tiên phong về kỹ thuật số; tạo ra và khai thác lợi ích của số hóa nhanh nhất và tốt nhất, tạo lợi thế cho doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội; trở thành một trong những quốc gia hàng đầu châu Âu về phát triển các tiện ích truyền thông và dữ liệu để tạo ra sự tăng trưởng kinh tế và việc làm.

Triển khai Chương trình đóng góp sáng kiến quốc gia trong thực hiện Chiến lược số như: phủ sóng di động và băng thông rộng trong cả nước với 8 sáng kiến; tăng cường sử dụng CNTT và dữ liệu trong kinh doanh

với 4 sáng kiến thúc đẩy số hóa trong kinh doanh; bảo mật kỹ thuật số với 3 sáng kiến đã được đưa ra nhằm mục đích hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và bảo mật toàn diện; ứng dụng các kỹ năng số và tài nguyên học tập với 2 sáng kiến nhằm hỗ trợ các kỹ năng kỹ thuật số.

Thành lập Quỹ đổi mới Đan Mạch (tổ chức tài trợ nghiên cứu và đổi mới); thu hút đầu tư cho Quỹ lên tới 10,61 triệu EURO, là một khoản đầu tư vào mục tiêu tìm kiếm giải pháp đổi mới thực hiện Chiến lược, giải quyết những thách thức lớn trong khu vực doanh nghiệp và xã hội nói chung, như “Made Digital” là một trong những dự án đầu tư lớn, với gần 500 ứng dụng và là sự hợp tác tài chính lớn nhất trong lịch sử của Quỹ.

Tiếp cận các kỹ năng số phù hợp là một trong những yếu tố quan trọng nhất của quá trình chuyển đổi số và là một lĩnh vực trọng tâm của Chính phủ. Các tổ chức giáo dục, các công ty tư nhân hợp tác để nhiều người chọn các chương trình giáo dục kỹ thuật số phù hợp với nhu cầu của khu vực tư nhân. Chính phủ cũng thành lập Hội đồng khởi nghiệp, trong đó đưa ra các khuyến nghị cho Chính phủ về cách thức tăng cường các điều kiện cho các doanh nhân tập trung vào khai thác tiềm năng, vốn và tăng trưởng.

Đan Mạch có những quy định bắt buộc tương tác giữa chính phủ số và công dân số. Cùng với khu vực tư nhân, các tổ chức công và các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương đều tận dụng các cơ hội do số hóa cung cấp. Chiến lược số giai đoạn 2016-2020 đặt ra hướng đi cho các nỗ lực số hóa khu vực công của Đan Mạch và sự tương tác của họ với các doanh nghiệp và ngành công nghiệp. Cùng với các doanh nghiệp và các tổ chức công ở cấp địa phương, khu vực và chính quyền Trung ương, hàng ngày tận dụng các cơ hội do số hóa cung cấp đã giúp xây dựng nền tảng kỹ thuật số của Đan Mạch mạnh mẽ và an toàn.

Theo tạp chí tổ chức nhà nước – Bộ Nội vụ

Kinh nghiệm của Hàn Quốc về triển khai Trợ lý ảo phục vụ người dân sử dụng vụ chính phủ số

Sử dụng Trợ lý ảo là một giải pháp hiệu quả mà chính phủ một số nước trên thế giới áp dụng để cung cấp các dịch vụ số dựa trên nhu cầu người dân, tạo ra các tiện ích, trải nghiệm tối đa cho người dân.

Tại Hàn Quốc, Bộ Nội vụ và An toàn cho ra mắt Dịch vụ Trợ lý ảo cho công chúng (GoodPy) vào tháng 3/2021. Đây là một ứng dụng trên điện thoại thông minh, cung cấp dịch vụ hành chính và giải đáp

các thách thức cho người dân. GoodPy là một ví dụ điển hình về loại hình dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm; nhờ có kỹ năng số và công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ công bất cứ khi nào, bất cứ đâu và dựa theo nhu cầu cá nhân.

GoodPy được triển khai để thực hiện nhiều mục tiêu: (a) giảm bớt sự phức tạp liên quan đến người dùng khi tìm kiếm thông tin và dịch vụ mà họ cần; (b) khắc phục các hạn chế trong việc cung cấp các dịch vụ số và chia sẻ dữ liệu giữa các tổ chức; (c) khuyến khích khu vực công sử dụng các dịch vụ số của khu vực tư nhân để đa dạng hóa các kênh cung cấp dịch vụ; (d) tích cực triển khai dịch vụ trợ lý ảo (chatbot) trong toàn chính phủ.

GoodPy còn cung cấp dịch vụ tư vấn và đề xuất các tùy chọn cho người dùng dựa trên các ứng dụng được sử dụng phổ biến nhất ở Hàn Quốc (Naver, KakaoTalk, Toss...) và cho phép thanh toán dịch vụ trên một màn hình để tối đa hóa sự tiện lợi. Nhờ GoodPy, qua một kênh duy nhất, người dùng có thể nhận được các loại thông tin dịch vụ thiết yếu hằng ngày, như: các chương trình phúc lợi, lịch hẹn tiêm chủng, quỹ cứu trợ COVID-19, ngày kiểm tra y tế, giao thông và các khoản thanh toán tiền phạt, gia hạn giấy phép lái xe, đào tạo lái xe cao cấp, đào tạo lái xe buýt trường học, đơn xin học bổng quốc gia, dịch vụ hải quan điện tử.

GoodPy nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của người dân. Đến ngày 31/12/2021, đã có 14 triệu người đăng ký tài khoản sử dụng, nghĩa là cứ bốn công dân Hàn Quốc thì có một người sử dụng. GoodPy giúp hơn 44 triệu người Hàn Quốc lên lịch cho 370 triệu cuộc hẹn tiêm chủng và hoàn thành chúng, đồng thời hướng dẫn trước cho người dùng về việc liệu họ có được hưởng Quỹ cứu trợ COVID-19 hay không, nó cũng giúp 90% người nhận được tiền cứu trợ trong vòng hai tuần kể từ khi nộp đơn.

Theo báo chuyên đề tuần 36/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông

III. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, quá trình thúc đẩy Chuyển đổi số đang được sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát chặt chẽ của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, Ngành liên quan hướng tới xây dựng Chính

phủ số minh bạch, thúc đẩy phát triển kinh tế. Chuyển đổi số ở Việt Nam được xác định như sau:

‘Chuyển đổi số’ là tiến trình một tổ chức tiến hoá bằng việc chuyển đổi nhận thức; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; áp dụng công nghệ số; thay đổi căn bản, toàn diện phương thức quản lý, vận hành và tạo ra giá trị mới.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là một phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.

‘Chuyển đổi số quốc gia’ là tiến trình quốc gia phát triển công nghệ số, tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số làm nền móng, kiến tạo thể chế và thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi mặt của xã hội, giúp tăng mạnh năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng kinh tế mới.

Chuyển đổi số Việt Nam được thực hiện trên 3 trụ cột chính là: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Chuyển đổi số không chỉ là một xu thế về công nghệ trên toàn cầu, mà còn tác động vô cùng sâu rộng trên các lĩnh vực của nền kinh tế - chính trị - xã hội; quyết định xem một quốc gia có theo kịp bước tiến của toàn cầu thậm chí những quốc gia phát triển sau có thể đi tắt đón đầu phá bỏ khoảng cách; chuyển đổi số sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến vị thế của quốc gia trên thế giới trong thời kỳ mới. Trong bối cảnh này, nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải chuyển đổi số, Chính phủ đã chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, hoàn thiện thể chế để tạo hành lang pháp lý thực hiện chuyển đổi số đất nước:

1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của đảng;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.

Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

2. Các văn bản của Bộ Nội vụ

Nghị quyết số 21-NQ/BCSĐ 28 tháng 7 năm 2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nội vụ.

Quyết định số 151/QĐ-BNV ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 1198/QĐ-BNV ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 549/QĐ-BCĐCPĐTCSĐS ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ năm 2022.

Thông báo số 4330/TB-BNV ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nội vụ về kết luận của Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tại Phiên họp của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

Quyết định số 689/QĐ-BNV ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

3. Một số kết quả điển hình về chuyển đổi số của Việt Nam

3.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chuyển đổi số công tác tuyển sinh năm 2022 thông qua các DVCTT

Bộ Giáo dục và Đào tạo là đơn vị tiêu biểu trong chuyển đổi số theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Từ tháng 05/2022 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai 04 DVCTT mức độ 4, bao gồm: (1) Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông; (2) Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non; (3) Thanh toán trực tuyến lệ phí xét tuyển đại học; và (4) Xác nhận nhập học trực tuyến.

Đối với DVCTT Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông, từ ngày 04/5/2022 đến 17 giờ 00 ngày 13/5/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai cho học sinh lớp 12 trên toàn quốc đăng ký trên Hệ thống Quản lý thi. Trong 10 ngày triển khai, Hệ thống Quản lý thi đã tiếp nhận tổng số 1.001.011 thí sinh đăng ký dự thi thành công, trong đó có 934.186 thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến, đạt tỷ lệ 93,32%.

Việc triển khai đồng bộ, triệt để công tác tuyển sinh năm 2022 từ đăng ký dự thi, đăng ký nguyện vọng xét tuyển và nộp phí xét tuyển, xác nhận nhập học được thực hiện theo hình thức trực tuyến đối với tất cả thí sinh được đánh giá là sự đột phá về chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo và mang lại những kết quả như kỳ vọng, đó là công bằng, hiệu quả và minh bạch. Cụ thể:

- Đối với các thí sinh, những người được hưởng lợi nhất: được đăng ký nguyện vọng sau khi có điểm thi và điểm sàn của các trường công bố điểm sàn; được bảo đảm quyền lựa chọn trường, chọn ngành theo nguyện vọng mong muốn đồng thời được bảo đảm cơ hội trúng tuyển lớn nhất; không còn tình trạng thí sinh nhận được giấy báo trúng tuyển từ nhiều trường mà thí sinh không đăng ký;

- Đối với các trường đại học: được bảo đảm cạnh tranh (buộc phải cạnh tranh) một cách bình đẳng và minh bạch, thực hiện công tác xét tuyển thuận tiện, giảm bớt nhiều quy trình, thủ tục riêng. Tỷ lệ thí sinh ảo giảm hẳn, đồng nghĩa với việc các trường tuyển sát hơn với chỉ tiêu.

Theo báo cáo chuyên đề tuần 40/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông

3.2. Bộ Giao thông vận tải: Ứng dụng công nghệ số trong cung cấp DVCTT đối với lĩnh vực vận tải đường bộ

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã triển khai Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực vận tải đường bộ (tại địa chỉ <https://qlvt.mt.gov.vn>) trên toàn quốc từ ngày 01/01/2017. Đây là hệ thống cung cấp DVCTT trong lĩnh vực vận tải đường bộ, triển khai thống nhất trên toàn quốc, bao gồm: Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải; Cấp, đổi biển hiệu phù hiệu xe ô tô và Đăng ký khai thác vận tải cố định.

Hiệu quả sử dụng:

Đến nay, Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực vận tải đường bộ đã có gần 52 nghìn tài khoản sử dụng; quản lý được gần 1,9 triệu phương tiện hoạt động vận tải; cấp hơn 59 nghìn giấy phép kinh doanh vận tải đường bộ; cấp gần 1,2 triệu biển hiệu, phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải và hơn 12 nghìn giấy phép tuyến vận tải hành khách cố định, tăng trưởng nhiều lần so với trước khi triển khai Hệ thống. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua Hệ thống là 1.110.785 hồ sơ, đạt tỷ lệ 80,21%.

Lợi ích mang lại:

Việc triển khai thành công Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực vận tải đường bộ tạo điều kiện thuận lợi cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý, cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp: Thay vì đến cơ quan công quyền để nộp hồ sơ hoặc gửi qua đường bưu điện, doanh nghiệp và các đơn vị kinh doanh vận tải có thể thực hiện 24/7, tại bất cứ đâu có kết nối Internet, tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng tính minh bạch; Hỗ trợ doanh nghiệp cá nhân hoá dữ liệu đã nộp, kết quả thực hiện thủ tục hành chính để tái sử dụng trong lần sau. Đồng thời cho phép doanh nghiệp hình thành các dữ liệu của đơn vị như: thông tin xe kinh doanh vận tải, dữ liệu tuyến đơn vị khai thác, dữ liệu xử phạt vi phạm hành chính; các dữ liệu này giúp doanh nghiệp quản lý hoạt động vận tải thuận lợi.

- Đối với cơ quan quản lý: Việc tiếp nhận hồ sơ hoàn toàn trực tuyến, xử lý thủ tục hành chính, thẩm định cấp phép hoàn toàn điện tử đồng thời việc kết nối với các cơ sở dữ liệu (CSDL), như CSDL đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, CSDL giám sát hành trình, CSDL camera, CSDL đăng kiểm phương tiện... giúp cơ quan quản lý giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm ngân sách nhà nước; Việc hình thành các dữ liệu tập trung trong quản lý vận tải đường bộ cũng giúp cơ quan quản lý có số liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành lĩnh vực vận tải đường bộ.

Trong quá trình triển khai, sử dụng dịch vụ, Bộ GTVT nhận được phản hồi tích cực từ các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và các Sở GTVT. Trong thời gian tới, Bộ GTVT sẽ tiếp tục phát triển Hệ thống để nâng cao hiệu quả, sự hài lòng của người dùng khi sử dụng DVCTT.

Theo báo cáo chuyên đề tuần 36/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông

3.3. Quảng Bình: Chính thức áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân, doanh nghiệp

Thực hiện Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt Đề án "Xây dựng phân hệ chức năng Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh", Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành việc xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử thủ tục hành chính, đây là nơi quản lý, lưu trữ tập trung các hồ sơ và kết quả trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); người dân không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ khi thực hiện TTHC nếu như chúng đã được lưu sẵn trong Kho.

Đề ứng dụng hiệu quả Kho quản lý dữ liệu điện tử TTHC và triển khai số hóa hồ sơ, kết quả trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, Ủy ban nhân dân yêu cầu các sở, ban, ngành, Trung tâm Hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Bộ phận một cửa và cán bộ, công chức, viên chức xử lý hồ sơ TTHC chính thức áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử TTHC và triển khai quy trình số hóa các loại hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (đối với các hồ sơ mới tiếp nhận) theo quy định:

- Số hóa các loại hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết theo quy định tại Đề án, sau đó lưu trữ trên Kho quản lý dữ liệu điện tử của Cơ quan giải quyết;

Việc chính thức áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân, doanh nghiệp và triển khai số hóa hồ sơ, kết quả TTHC là một trong những giải pháp cốt lõi nhằm hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT được thuận lợi; người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại những dữ liệu mà cơ quan nhà nước đang quản lý. Điều này cũng thể hiện sự quyết tâm của tỉnh Quảng Bình trong việc cung cấp DVCTT chất lượng, hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp.

Theo báo cáo chuyên đề tuần 36/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông

3.4. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương tiên phong trong chuyển đổi số

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên trong cả nước công bố Chương trình chuyển đổi số sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Đến cuối năm 2020, thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai gần 1.300 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, chiếm hơn 40% tổng số dịch vụ công được cung cấp. Ứng dụng công nghệ 4.0 vào giải quyết thủ tục hành chính, tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn hơn 99%.

Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đặt ra mục tiêu trong năm 2021 là: phát triển các nền tảng cơ bản xây dựng chính quyền điện tử theo kiến trúc chính quyền điện tử thành phố; tăng cường kết nối giữa các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng, hướng đến chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Theo <https://hcmcpv.org.vn>

3.5. Chuyển đổi số đưa Đà Nẵng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Với tiềm năng, kinh nghiệm và lợi thế sẵn có, thành phố Đà Nẵng có nhiều thuận lợi thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

Đà Nẵng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các trường học, đặc biệt trong dạy và học trực tuyến. Hiện, 100% bệnh viện, trung tâm y tế quận, huyện đều sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện điện tử và 100% trạm y tế phường, xã sử dụng phần mềm dùng chung hỗ trợ cho công tác quản lý khám, chữa bệnh, quản lý bệnh nhân, quản lý điều trị nội trú, ngoại trú, quản lý xét nghiệm, quản lý dược, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế.

Đà Nẵng có tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động đứng đầu cả nước, với tỷ lệ 276 máy/100 dân, 99,8% hộ gia đình có kết nối Internet và 99,4% người dân tiếp cận, sử dụng Internet. 100% trường học các cấp đã kết nối Internet băng rộng và sử dụng phần mềm quản lý trường học. Đà Nẵng cũng là địa phương có hạ tầng kỹ thuật số hiện đại, có trạm cáp quang cập bờ là trạm truyền dẫn quốc tế quan trọng của mạng viễn thông quốc gia, bao gồm 2 tuyến cáp SMW3 và APG với tổng dung lượng rất lớn. Hạ tầng viễn thông công cộng có kết nối nội mạng tốc độ cao.

Tính đến cuối năm 2020, số lượng doanh nghiệp đăng ký ngành nghề hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố khoảng 2.000 doanh nghiệp, nêu tính cả ngành nghề phụ là 7.000 doanh nghiệp. Năm 2020, tuy bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-

19, ngành công nghiệp ICT ở Đà Nẵng vẫn đạt tăng trưởng hơn 5%%, đóng góp vào 7,5% GRDP thành phố.

Theo <https://www.c63.mic.gov.vn>

IV. CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI BỘ NỘI VỤ

1. Mục tiêu, yêu cầu chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ

Chuyển đổi hoạt động của Bộ Nội vụ trên môi trường số. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và nghiệp vụ công tác của Bộ Nội vụ được thực hiện dựa trên dữ liệu và bằng công nghệ số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của Bộ Nội vụ nhằm phát triển Chính phủ số của Bộ, từng bước tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng tốc độ xử lý công việc, đẩy mạnh sử dụng và lưu trữ văn bản số, giảm chi phí hoạt động, từng bước xây dựng môi trường làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian.

Phát triển các ứng dụng, dịch vụ theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số; sử dụng các công cụ phân tích thông minh để giúp Lãnh đạo Bộ kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Nội vụ đồng thời cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số giúp người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Tạo lập kho dữ liệu số ngành Nội vụ đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu.

Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây.

2. Nội dung Chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ

2.1. Chuyển đổi nhận thức

Để chuyển đổi số thành công, bên cạnh các yếu tố về công nghệ, thể chế,... thì chuyển đổi số trước hết là chuyển đổi về nhận thức bởi nhận thức đóng vai trò quyết định. Nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Bộ Nội vụ có ý nghĩa quyết định trong Chuyển đổi số nhất là nhận thức của người đứng đầu.

Chuyển đổi số Bộ Nội vụ cần phù hợp với xu thế chuyển đổi số trên quy mô quốc gia, là công việc cần sự tham gia vào cuộc của tất cả

cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Nội vụ.

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về chuyển đổi, nâng cao nhận thức của Nghị quyết 21-NQ/BCSĐ ngày 28/7/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nội vụ đó là: Người đứng đầu cấp ủy trực thuộc chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong đơn vị; tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đơn vị mình, lấy việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, đơn vị.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị khuyến khích thử nghiệm công nghệ mới, sẵn sàng làm gương và thay đổi trong toàn bộ đơn vị. Với vai trò là người đứng đầu, lãnh đạo còn là người truyền cảm hứng và xây dựng văn hóa chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, để kịp thời có giải pháp điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vì vậy người đứng đầu các cấp ủy Đảng, cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ cần theo dõi sát sao tiến độ triển khai, thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình quản lý. Qua đó, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện để báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương hỗ trợ, đề ra giải pháp tháo gỡ kịp thời.

Thực hiện Chuyển đổi số là cơ hội để nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của Bộ Nội vụ; chuyển đổi phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ và phương thức, giao thức làm việc với tổ chức và công dân trên nền tảng số.

Để chuyển đổi số thành công, cần phải có sự đầu tư nguồn lực, quyết tâm chính trị của tất cả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức Bộ Nội vụ.

2.2. Hạ tầng công nghệ hỗ trợ Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ

Để chuyển đổi số thành công thì hạ tầng số phải đi trước một bước. Xác định yếu tố hạ tầng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả và sự bền vững của chuyển đổi số nên trong thời gian vừa qua, các Dự án trọng điểm của Bộ đã được quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng số tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực cụ thể:

Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp ngành Nội vụ và Trung tâm điều hành thông minh Bộ Nội vụ; dự án Lưu trữ tài liệu điện tử phong lưu trữ nhà nước Việt Nam; Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” ..., việc đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị đảm bảo hạ tầng số của Bộ Nội vụ được phân theo các giai đoạn:

Giai đoạn từ 2021 -2022

Thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo khu vực nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, an ninh của các hệ thống thông tin, CSDL.

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, sử dụng giải pháp công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big data)... phục vụ lưu trữ các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ.

Nâng cấp, đầu tư hạ tầng CNTT tại Trung tâm tích hợp dữ liệu bao gồm hệ thống máy chủ; hệ thống sao lưu, lưu trữ dữ liệu, an toàn bảo mật và hạ tầng phòng máy chủ (sàn nâng, điều hòa, ...) Việc đầu tư phải đảm bảo hạ tầng dùng chung phục vụ các dự án trọng điểm của Bộ Nội vụ như: Trung tâm điều hành thông minh và Xây dựng CSDL tích hợp Ngành Nội vụ, làm cơ sở để sau này mở rộng quy mô cho các dự án khác của Bộ trong quá trình chuyển đổi số.

Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin thiết yếu, đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm bảo vận hành ổn định và an toàn, an ninh, bảo mật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ Nội vụ.

Giai đoạn từ 2023 -2025

Tổ chức triển khai tích hợp dữ liệu (LGSP) của Bộ Nội vụ, thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ, chia sẻ các dịch vụ dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ phiên bản 2.0.

Tăng cường khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan và các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương khác.

- Nghiên cứu, triển khai hạ tầng đảm bảo kết nối trong việc thu thập thông tin từ các hệ thống quản lý cán bộ trong ngành Nội vụ.

- Nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các công nghệ tính toán, lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Duy trì vận hành, mở rộng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT của Bộ theo lộ trình.

- Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ.

2.3. Nền tảng số, dữ liệu số của Bộ Nội vụ

Phát triển nền tảng số, môi trường làm việc số, phát triển Chính phủ số, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin là những yếu tố cốt lõi trong quá trình chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, nhiệm vụ cụ thể:

Xây dựng dữ liệu số, xây dựng các hệ thống thông tin, hình thành nguồn tài nguyên số phục vụ phân tích, dự báo, ra quyết định chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo và xử lý nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, tạo ra các thông tin tham chiếu gốc, cung cấp cho nhiều đối tượng sử dụng nhằm khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu số.

Các nền tảng số của Bộ Nội vụ đã triển khai

TT	Danh mục nền tảng số của Bộ Nội vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Mô tả chức năng, mục tiêu	Hiện trạng
1	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp Bộ Nội vụ (Voffice)	Văn phòng Bộ	Trung tâm Thông tin và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	<p>- Bộ Nội vụ đã triển khai Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ http://vpdt.moha.gov.vn/ và đã liên thông với trực văn bản quốc gia.</p> <p>- Từ tháng 9 năm 2019, toàn bộ văn bản đi, đến của Bộ và các đơn vị trong Bộ đều được gửi/nhận và xử lý qua hệ thống; hầu hết các văn bản phát hành đều được ký số.</p>	<p>- 100% văn bản trao đổi giữa Bộ Nội vụ và các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và được ký số bởi chữ ký chuyên dùng trừ các văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định.</p> <p>- Hệ thống đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản đi, đến, hồ sơ điện tử; tra cứu, tìm kiếm văn bản của công chức, viên chức Bộ Nội vụ theo yêu cầu của công tác văn thư lưu trữ.</p>

2	CSDL công chức, viên chức Bộ Nội vụ	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	- Xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu CBCCVC của Bộ Nội vụ giúp cho việc quản lý, theo dõi, xử lý nghiệp vụ về công tác cán bộ (tổng hợp, báo cáo thống kê, chế độ chính sách, tiền lương, bảo hiểm, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng...) của cơ quan, đơn vị được kịp thời, chuẩn xác.	- 100% các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ đã cập nhật hồ sơ của công chức, viên chức lên cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, tra cứu, tìm kiếm.
3	Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Nội vụ (email):	Trung tâm Thông tin		- Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Nội vụ được triển khai từ rất sớm tại địa chỉ https://mail.moha.gov.vn , hoạt động ổn định, an toàn; -100% công chức, viên chức và người lao động trong Bộ được cung cấp và sử dụng thường xuyên email công vụ để trao đổi, xử lý công việc hàng ngày.	- 100% công chức, viên chức và người lao động trong Bộ được cung cấp và sử dụng thường xuyên email công vụ để trao đổi, xử lý công việc hàng ngày...

4	Hệ thống hội nghị truyền hình	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hội nghị truyền hình của Bộ tại địa chỉ: https://meeting.moha.gov.vn - Hệ thống hội nghị truyền hình được xây dựng nhằm tạo lập một hệ thống trao đổi thông tin nhanh chóng, chính xác, và tiết kiệm chi phí. 	- Hệ thống hội nghị đã phát huy hiệu quả và đáp ứng kịp thời trước những tác động của dịch Covid-19 đồng thời phục cho các cuộc họp, lớp tập huấn từ trung ương tới Bộ Nội vụ và tới các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.
5	Hệ thống thông tin, báo cáo của Bộ Nội vụ	Văn phòng Bộ	Trung tâm Thông tin	- Điện tử hóa các chế độ báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; phân tích, trích xuất, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ và kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.	- Hệ thống thông tin, báo cáo của Bộ Nội vụ hiện nay được triển khai xây dựng bao gồm 02 phân hệ: (1) phân hệ chế độ báo cáo định kỳ Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (2) phân hệ chế độ báo cáo định kỳ bộ, ngành, địa phương báo cáo Bộ Nội vụ.
6	Hệ thống bồi dưỡng trực tuyến	Vụ Cải cách hành chính		- Bộ Nội vụ thực hiện nhiệm vụ xây dựng và vận	- Hệ thống đưa vào sử dụng đã đáp ứng được

	<p>nghiệp vụ (e-Learning) về cải cách hành chính cho công chức thực hiện cải cách hành chính các Bộ, ngành, địa phương:</p>			<p>hành Hệ thống chương trình bồi dưỡng trực tuyến (e-Learning) theo vị trí việc làm cho công chức thực hiện công tác cải cách hành chính tại các bộ, ngành và địa phương tích hợp tại địa chỉ website http://caicachhanhchinh.gov.vn và có 01 website riêng là http://bonoivu.cls.vn</p>	<p>mục tiêu đề ra và đúng tiến độ. Mỗi năm bồi dưỡng khoảng trên 5.000 lượt công chức/năm.</p>
7	<p>Phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp (http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn)</p>	<p>Vụ Cải cách hành chính</p>		<p>- Phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính để thực hiện nhiệm vụ chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trên cả nước.</p>	<p>- Xác định chỉ số cải cách hành chính để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>
8	<p>Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử</p>	<p>Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương</p>		<p>- Tạo lập bộ cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng trên toàn quốc, bao gồm cả các</p>	<p>- 100% cơ quan thi đua, khen thưởng tại tất cả các bộ, ban, ngành, đoàn thể</p>

				dữ liệu khen thưởng được lưu trữ từ trước tháng 9/2016 trở về trước, làm cơ sở cho việc khai thác, sử dụng các dữ liệu thi đua, khen thưởng phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên môi trường internet	Trung ương và địa phương (146 đầu mối) đều có thể sử dụng, khai thác tốt Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử.
9	Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	- Tiếp nhận, xử lý và trả lời PAKN của người dân, doanh nghiệp về các vướng mắc, khó khăn trong thực hiện cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	- Mỗi năm Bộ Nội vụ tiếp nhận và trả lời hàng nghìn phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cử tri và được đăng tải công khai trên hệ thống phản ánh kiến nghị của Bộ Nội vụ.
10	Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính của Bộ Nội vụ	Trung tâm Thông tin		- Đăng tải toàn văn các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính của Bộ Nội vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ theo Nghị định số	- Phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin các văn bản hành chính và văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nội vụ ban hành.

				63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ	
11	Hệ thống Nền tảng Lưu trữ số quốc gia	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước		<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, công bố hiện trạng biên mục hồ sơ, tài liệu của các cơ quan nhà nước bao gồm: danh mục cơ sở dữ liệu, tình hình xây dựng, triển khai và cung cấp tài liệu của các cơ quan nhà nước giúp minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức tiếp cận để khai thác dữ liệu - Cung cấp môi trường để các cơ quan nhà nước thực hiện các giao dịch về chia sẻ hồ sơ, tài liệu bao gồm: đăng ký yêu cầu hồ sơ, tài liệu, xử lý, hồi đáp các yêu cầu chia sẻ tài liệu cũng như thống kê 	- Toàn bộ hồ sơ, tài liệu của ứng dụng dịch vụ trên hệ thống sẽ được lưu trữ, bảo quản trên các hệ thống máy chủ (DC) và được sao lưu dự phòng, bảo mật tại Clouds và Trung tâm Lưu trữ quốc gia tài liệu điện tử (DR) sử dụng công nghệ lưu trữ SAN (Storage Area Network) với dung lượng lớn. Hệ thống SAN cung cấp khả năng truyền dữ liệu tốc độ cao giữa các máy chủ tham gia vào hệ thống lưu trữ cũng như giữa các thiết bị lưu trữ với nhau. Hệ thống SAN này cho phép

			<p>hoạt động, giám sát quá trình chia sẻ tài liệu</p> <p>Tạo kho lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu có giá trị lâu dài cho quốc gia để tập trung hồ sơ lịch sử của Chính phủ phục vụ trích xuất, khai thác, bảo quản hồ sơ thông minh để tạo các thông tin, dữ liệu báo cáo đa chiều, cung cấp cho Lãnh đạo Chính phủ và các cơ quan nhà nước phục vụ chỉ đạo điều hành và hỗ trợ ra quyết định; cung cấp các dịch vụ dùng chung về phân tích dữ liệu, xử lý dữ liệu dựng sẵn áp dụng các công nghệ mới cho các cơ quan nhà nước có nhu cầu.</p>	<p>thực hiện quản lý tập trung và cung cấp khả năng chia sẻ dữ liệu và tài nguyên lưu trữ, hệ thống có khả năng mở rộng, hiệu năng và tính sẵn sàng cao.</p> <p>- Quy mô lưu trữ: Toàn bộ hồ sơ tài liệu thuộc các nguồn nộp lưu theo quy định ngành lưu trữ Việt Nam.</p>	
12	Cơ sở dữ liệu hội quỹ	Vụ Tổ chức phi chính phủ		<p>- CSDL Hội quỹ có địa chỉ: http://csdlhoiquy.moha.gov.vn được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà</p>	<p>- CSDL đã cập nhật và quản lý thông tin CSDL của gần 700 hội, quỹ có phạm vi hoạt động toàn</p>

				nước về lĩnh vực hội và tổ chức phi chính phủ của Bộ Nội vụ	quốc do Bộ Nội vụ trực tiếp quản lý. Trong thời gian tới sẽ mở rộng việc xây dựng và cập nhật CSDL các hội quỹ ở cả các địa phương
13	CSDL sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Vụ Công tác thanh niên		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nội vụ đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ tại địa chỉ: https://csdlthanhnien.moha.gov.vn - Cơ sở dữ liệu được hình thành sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt được nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công tác tuyển chọn đầu vào đối với cán bộ, công chức viên chức. 	- Bộ Nội vụ đã triển khai xây dựng, thiết kế biểu mẫu, hướng tới cập nhật trực tuyến CSDL sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và cán bộ khoa học trẻ (theo 140/2017/NĐ-CP). Dự kiến sẽ triển khai tập huấn nhập liệu cho các địa phương trong cả nước.
14	Công dịch vụ công trực tuyến và một	Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	- Công dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử Bộ Nội vụ được đưa vào sử	- Hệ thống giải quyết TTHC điện tử của Bộ Nội vụ đã được đưa vào sử

	<p>cửa điện tử Bộ Nội vụ</p>			<p>dụng có địa chỉ tại: http://motcua.moha.gov.vn nhằm mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ; phân cấp, tạo sự chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức thực hiện. - Công khai, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ trên môi trường điện tử. 	<p>dụng, người dân, tổ chức có thể thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến từ Cổng dịch vụ công Quốc gia (đối với 24 TTHC đã được đồng bộ trạng thái) hoặc trên Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ. Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử của Bộ Nội vụ được thực hiện hợp pháp, khoa học; đảm bảo sự khách quan, công khai, minh bạch và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.</p>
--	------------------------------	--	--	---	---

2.4. Các nhiệm vụ trọng tâm Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ

- Dự án xây dựng CSDL tích hợp ngành Nội vụ và Trung tâm điều hành thông minh của Bộ Nội vụ (IOC) đang được triển khai thực hiện với mục tiêu:

Xây dựng một hệ thống điều hành thông minh của Bộ Nội vụ tạo công cụ hỗ trợ công tác giám sát, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Bộ Nội vụ trên cơ sở dữ liệu cập nhật tự động, thời gian thực; Dự án góp phần tích cực vào quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số của Bộ Nội vụ.

Hình thành hệ thống CSDL tích hợp ngành Nội vụ phục vụ để đảm bảo việc tích hợp thông tin, dữ liệu của tất cả các hệ thống CSDL của Bộ Nội vụ và các nguồn dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để phục vụ hệ thống điều hành thông minh.

Đảm bảo kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành với các hệ thống, phần mềm, ứng dụng CNTT đang hoạt động và sẽ triển khai trong kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ số giai đoạn 2021-2025 của Bộ Nội vụ.

- Dự án Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Bộ Nội vụ - giai đoạn 1 với mục tiêu:

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông hiện đại, đồng bộ trên cơ sở tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây. Tạo lập kho dữ liệu số ngành Nội vụ đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu. Phát triển các ứng dụng chỉ đạo, điều hành theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số.

Cung cấp công cụ quản lý, chia sẻ dữ liệu và tạo môi trường số để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Nội vụ tổ chức, quản lý và điều hành công việc một cách hiệu quả hơn; tăng cường công khai, minh bạch trong công vụ, phòng chống tham nhũng, tiết kiệm chi phí, thời gian, tăng năng suất lao động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động; cải thiện mối liên kết giữa Chính phủ - người dân - doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, xây dựng xã hội Việt Nam văn minh, hiện đại phát triển bền vững.

- Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước với mục tiêu:

Mục đích nhằm quản lý và lưu trữ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

Từng bước số hóa thông tin dữ liệu để thay thế hồ sơ giấy truyền thống; thực hiện việc cấp biên chế công chức, số người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan nhà nước qua Hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu.

Đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác, góp phần vào quá trình xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử/Chính phủ số; thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

- Dự án “Lưu trữ tài liệu điện tử Phòng Lưu trữ Nhà nước Việt Nam” với mục tiêu:

Xây dựng Hệ thống Nền tảng Lưu trữ số quốc gia, phục vụ công tác quản lý, tổ chức, tích hợp và chia sẻ sử dụng hiệu quả tài liệu lưu trữ thuộc Phòng Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

Hình thành một điểm thống nhất trên môi trường mạng cung cấp thông tin và tiếp nhận, xử lý các yêu cầu chia sẻ, khai thác dịch vụ hồ sơ, tài liệu giữa các cơ quan nhà nước.

Tạo nền tảng để quản trị hồ sơ, tài liệu của cơ quan nhà nước, phương tiện để dữ liệu trong cơ quan nhà nước được lưu thông, chia sẻ; khai thác các giá trị gia tăng của hồ sơ, tài liệu.

Hệ thống Nền tảng Lưu trữ số quốc gia có giá trị bảo quản toàn bộ các nguồn tài liệu nộp lưu đã quy định trong ngành lưu trữ phục vụ việc số hóa, bảo tồn di sản cho đất nước. Cũng là nơi cung cấp các tài liệu có giá trị của đất nước.

- Xây dựng Cổng công bố dữ liệu mở của Bộ Nội vụ nhằm cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu Bộ Nội vụ và kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia. Triển khai kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP) và của quốc gia NGSP.

3. Một số kết quả triển khai chuyển đổi số của Bộ Nội vụ

3.1. Xây dựng, khai thác vận hành Hệ thống thông tin, báo cáo của Bộ Nội vụ:

Để đẩy mạnh công tác báo cáo, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ 4 cấp, điện tử hóa các biểu mẫu, cụ thể như sau:

- Đối với phân hệ chế độ báo cáo định kỳ Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thuộc Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã xây dựng hệ thống, chuẩn hóa, điện tử hóa 14 chế độ báo cáo định kỳ Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (đạt 100%, trong khi đó theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ là 50%); đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; Đã cấp tài khoản cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ để thực hiện triển khai nhập dữ liệu và gửi báo cáo.

- Đối với phân hệ chế độ báo cáo định kỳ các bộ, ngành, địa phương báo cáo Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã hoàn thành việc xây dựng, chuẩn hóa, điện tử hóa 22 chế độ báo cáo; Cung cấp tài khoản cho các bộ, ngành, địa phương chạy thử nghiệm; hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị đăng nhập và chạy thử nghiệm hệ thống. Tính đến ngày 02/12/2022, có 1108 đơn vị đã được cấp tài khoản, trong đó (Trung ương: 45 đơn vị; Tỉnh: 100 đơn vị; Huyện: 865 đơn vị; Xã: 143 đơn vị); Số đơn vị đã thực hiện báo cáo là 243 và 1335 bản báo cáo đã cập nhật.

3.2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Nội vụ (VOffice)

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Nội vụ được triển khai và đưa vào khai thác, hoạt động từ ngày 01/10/2018 đã kết nối với trực liên thông văn bản Quốc gia. Tính đến thời điểm hiện tại, 100% việc gửi, nhận văn bản đã được thực hiện trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật và các văn bản khác do Lãnh đạo Bộ yêu cầu) và có 1135 tài khoản đã được cấp, 36.103 văn bản đi được phát hành và 136.101 văn bản đến được tiếp nhận thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp Voffice.

Từ đầu năm 2022 đến nay, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 42.317 văn bản đến trong đó có 20.173 văn bản tiếp nhận từ Trực liên thông văn bản quốc gia, phát hành 8.466 văn bản đi.

Có thể nói, Hệ thống của Bộ Nội vụ triển khai thời gian qua đã đáp ứng được nhu cầu nghiệp vụ quản lý văn bản của Bộ Nội vụ, đáp ứng các nhu cầu kết nối liên thông dữ liệu theo yêu cầu của Chính phủ góp phần

xây dựng phong cách làm việc hiện đại, đồng bộ và rút ngắn khoảng cách về thời gian, không gian khi thực hiện tạo lập hồ sơ trình ký, gửi, nhận và ký số văn bản điện tử.

3.3. Dịch vụ công trực tuyến của Ban Tôn giáo Chính phủ

Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến là một nội dung quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính triển khai Chính phủ số. Điều đó không những tạo điều kiện cho người dân và các tổ chức tôn giáo mà còn giảm áp lực giấy tờ công việc lên các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo.

Ban Tôn giáo Chính phủ đã xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho tất cả 43 TTHC thuộc thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) giải quyết của Ban Tôn giáo Chính phủ và đã mang lại những lợi ích như:

- Các tổ chức tôn giáo khi đăng ký dịch vụ công trực tuyến sẽ giảm thời gian gửi/ nhận hồ sơ, giảm thời gian đi lại cho người sử dụng.

- Tăng tính minh bạch của các cơ quan cung cấp dịch vụ. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của quy trình là hoàn toàn có thể (Cung cấp thông tin hồ sơ đang nằm ở Vụ, đơn vị nào? Đang được ai thụ lý? Hồ sơ bị tắc ở khâu nào? ...)

- Hiệu quả kinh tế cho cả tổ chức tôn giáo và cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, do đó có thể tiết kiệm thời gian, công sức, cắt giảm các chi phí đi lại, chi phí văn phòng phẩm, chi phí nhân công....

3.4. Hệ thống quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp

Hệ thống quản lý chấm điểm chỉ số CCHC Parindex quản lý việc chấm điểm các bộ /ngành, tỉnh/thành phố trên cả nước.

Là giải pháp hỗ trợ quản lý trong việc xây dựng bộ chỉ số cải cách hành chính, thực hiện đánh giá, thẩm định và công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cấp, các ngành. Giúp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và giúp đơn vị phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện cải cách hành chính.

Việc chấm điểm chỉ số cải cách hành chính giúp tin học hóa quy trình quản lý hiện tại của đơn vị, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai nhiệm vụ CCHC hàng năm của các

bộ, ngành và UBND các tỉnh/thành phố. Hình thành kho dữ liệu về điểm chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị hàng năm.

Cho phép tạo lập bộ tiêu chí đánh giá áp dụng cho từng nhóm cơ quan; cho phép các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, giải trình, bổ sung, ấn định chức năng thẩm định kết quả tự đánh giá; trích xuất các biểu đồ, kết quả, thống kê theo yêu cầu, quản trị hệ thống. Cùng với đó phần mềm cũng cho phép đính kèm văn bản tài liệu kiểm chứng và diễn giải, giải thích cho việc chấm điểm của tiêu chí, tiêu chí thành phần; cho phép đơn vị tự chấm thu lại văn bản, tài liệu đính kèm để chỉnh sửa các nội dung đề nghị thẩm định trước hạn gửi kết quả tự đánh giá nếu thấy có sai sót. Sau ngày hết hạn, phần mềm tự động khóa lại, không cho phép tiếp tục thực hiện chấm điểm. Cơ chế phân quyền chấm điểm thẩm định mỗi đợt đánh giá chấm điểm CCHC cho người dùng và theo từng lĩnh vực, ngăn chặn được những tấn công về mặt dữ liệu.

Hệ thống giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và giúp kết quả đánh giá thực hiện cải cách hành chính khách quan, công bằng, minh bạch, chính xác trong quá trình tổng hợp kết quả CCHC, giảm việc lưu trữ hồ sơ bản giấy, việc thất thoát hoặc sai lệch hồ sơ, giúp lưu trữ dữ liệu về CCHC hàng năm đơn giản, an toàn và tiết kiệm thời gian nếu cần tra cứu lại và hình thành thói quen làm việc và giải quyết công việc trên mạng máy tính.

Bên cạnh đó, khắc phục những tồn tại, hạn chế của việc chấm điểm thủ công như dễ gây nhầm lẫn về số liệu, tổn kém về thời gian, tài liệu in ấn, chi phí đi lại,...

3.5. Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử của Bộ Nội vụ do Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương quản lý, vận hành.

Tạo lập bộ cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng trên toàn quốc, bao gồm cả các dữ liệu khen thưởng được lưu trữ từ trước tháng 9/2016 trở về trước, làm cơ sở cho việc khai thác, sử dụng các dữ liệu thi đua, khen thưởng phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên môi trường internet.

100% cơ quan thi đua, khen thưởng tại tất cả các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương (146 đầu mối) đều có thể sử dụng, khai thác tốt Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử.

4. Trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ

Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ chỉ đạo, điều phối các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ đẩy mạnh Chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các mục tiêu theo các kế hoạch đã đề ra.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến việc xây dựng, phát triển chuyển đổi số.

Cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, phát triển chuyển đổi số của Bộ Nội vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ.

Trung tâm Thông tin

Với nhiệm vụ là đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, Trung tâm Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ triển khai các nội dung về Chuyển đổi số đảm bảo thực hiện đúng theo kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin và an toàn, bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ.

Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan tham mưu công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ về Chính phủ số, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu số, kiến thức bảo đảm an toàn an ninh mạng.

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào mọi hoạt động của đơn vị, hướng tới số hóa toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ phối hợp với cấp ủy Đảng cùng cấp có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện những nội dung, nhiệm vụ theo Nghị quyết về Chuyển đổi số đến

năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nội vụ, đề án Chuyển đổi số và các Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ. Quán triệt công tác chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng nhằm chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc để bắt nhịp với xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thực hiện chế độ báo cáo về công tác chuyển đổi số định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm và đột xuất theo đúng quy định.

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chủ động nghiên cứu, kiến nghị, đề xuất nội dung, kinh phí cụ thể để thực hiện chuyển đổi số của đơn vị mình; tiến hành xây dựng kế hoạch số hóa các lĩnh vực đơn vị quản lý, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu đang quản lý để bảo đảm việc cập nhật thông nhất phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ.

Vụ Kế hoạch – Tài chính

Vụ Kế hoạch – Tài chính tham mưu Lãnh đạo Bộ các giải pháp tăng cường nguồn lực, đảm bảo kinh phí để khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng, đổi mới sáng tạo các công nghệ số, góp phần thúc đẩy Chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ.

Vụ Tổ chức cán bộ

Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Trung tâm Thông tin tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng để cập nhật, phổ biến kiến thức, nhận thức về Chuyển đổi số; kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cho công chức, viên chức Bộ Nội vụ.

Trách nhiệm của công chức, viên chức Bộ Nội vụ trong Chuyển đổi số

Mỗi cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ cần xây dựng môi trường “văn hóa số” trong thực thi công vụ trước bối cảnh chuyển đổi số là nhiệm vụ cấp bách và đóng vai trò vô cùng quan trọng.

“Văn hóa số” trong môi trường công vụ được hiểu là những quy tắc, ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số. Vì vậy, mỗi công chức, viên chức, người lao động trong Bộ cần có nhận thức đúng về chuyển đổi số và hành động đúng trong môi trường số.

Mỗi công chức, viên chức, người lao động trong Bộ cần nhận thức rõ về ý thức, trách nhiệm của công chức, viên chức trong thực thi công vụ: đó là chuyển đổi, dịch chuyển từ tư duy xin - cho sang tư duy trách nhiệm công vụ, đặc biệt là sự dịch chuyển từ trách nhiệm công vụ sang trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội.

Học tập, nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số, nâng cao an toàn và tự bảo vệ thông tin.

Tuân thủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Nội vụ về an toàn thông tin, bảo mật thông tin.

Hiên kế, xây dựng các giải pháp nhằm đẩy mạnh Chuyển đổi số trong đơn vị và của Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

- Quyết định số 151/QĐ-BNV ngày 25/02/2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nội vụ.

- Quyết định số 1105/QĐ-BNV ngày 15/10/2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1198/QĐ-BNV ngày 18/11/2021 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Thông báo số 4330/TB-BNV ngày 05/9/2022 của Bộ Nội vụ thông báo Kết luận của Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tại Phiên họp của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. CSDL: Cơ sở dữ liệu
2. Big Data: Dữ liệu lớn
3. AI: Công nghệ trí tuệ nhân tạo
4. IoT: Internet vạn vật
5. Blockchain: Công nghệ chuỗi - khối
6. NGSP: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia
7. LGSP: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ
8. CPĐT 2.0: Kiến trúc Chính phủ điện tử 2.0
9. TTHC: Thủ tục hành chính
10. DVC/DVCTT: Dịch vụ công/ Dịch vụ công trực tuyến
11. CNTT: Công nghệ thông tin
12. CSDLQG: Cơ sở dữ liệu quốc gia
13. CBCCVC: Cán bộ, công chức, viên chức
14. CCHC: Cải cách hành chính

TỔ BIÊN SOẠN

1. Ông Đỗ Đức Tùng, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý an toàn thông tin - Tổ trưởng;
2. Ông Bùi Tiến Luận, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Phát triển hệ thống và cơ sở dữ liệu - Tổ phó;
3. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Phó Trưởng phòng Công Thông tin điện tử và Thư viện Bộ Nội vụ - Thành viên;
4. Bà Phạm Thị Thanh Thủy, Kỹ sư Phòng Quản lý an toàn thông tin - Thành viên;
5. Ông Phạm Quang Trung, Kỹ sư phòng Quản trị hạ tầng thông tin - Thành viên;
6. Ông Đặng Mạnh Tùng, Chuyên viên Phòng Phát triển hệ thống và cơ sở dữ liệu – Thành viên.